

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 03-8-2020

V/v chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Đê

*Các Thẩm phán:*

Ông Trần Văn Lực

Ông Nguyễn Văn Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Minh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ứng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/HNGĐ-ST ngày 04-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 177/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Thạch R, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Chị Thạch Thị Sô P, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Đồng Văn H, là Luật sư của Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C. Do ông Từ Bá T, Giám đốc làm đại diện (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Thạch Thị S, sinh năm 1942 (vắng mặt)

3. Ông Thạch R1, sinh năm 1966 (vắng mặt)

4. Chị Thạch Thị Sa L, sinh năm 1971 (vắng mặt)

5. Anh Thạch R2, sinh năm 1977 (vắng mặt)

6. Anh Thạch R3, sinh năm 1980 (vắng mặt)

7. Chị Thạch Thị L1, sinh năm 1983 (vắng mặt)
  8. Chị Thạch Thị L2, sinh năm 1982 (vắng mặt)
  9. Chị Thạch Thị L3, sinh năm 1992 (vắng mặt)
  10. Anh Thạch Thia R, sinh năm 1993 (vắng mặt)
- Địa chỉ: Cùng ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- *Người kháng cáo:* Chị Thạch Thị Sô P là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Thạch R trình bày: Vào tháng 9 năm 2018, anh và chị Sô P được Tòa án nhân dân huyện C giải quyết công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Lúc đó, anh và chị Sô P không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung mà để hai người tự thỏa thuận, nhưng sau đó không thỏa thuận được nên anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn, gồm các tài sản như sau:

- Số tiền do chủ đất chuộc lại đất và trả cho chị Sô P quản lý là 90.000.000 đồng. Anh yêu cầu chia cho anh được hưởng bằng 45.000.000 đồng.

- Số vàng là 25 chỉ vàng 24kara, trong đó có 10 chỉ cho ông Thạch M và bà Thạch Thị Sa Q ở ấp 4, xã P mượn để chuộc lại đất, còn lại 15 chỉ là do vợ chồng cùng làm ruộng và nuôi heo tích lũy được. Nhưng anh yêu cầu chia cho anh được hưởng bằng 05 chỉ vàng 24kara. Rút lại yêu cầu chia 15 chỉ vàng 24kara.

- Tiền hót một phần hụi do chị Thạch Thị T làm đầu thảo bằng 72.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng cho đầu thảo hưởng là 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại anh quản lý 18.000.000 đồng, chị Sô P quản lý 54.000.000 đồng. Do chị Sô P đóng tiền hụi chết cho đầu thảo 04 kỳ là 20.000.000 đồng nên anh yêu cầu chia cho anh được hưởng 7.500.000 đồng.

- Đối với các tài sản khác gồm: Một chiếc xe Honda hiệu Wave RSX, biển số 84K1-264.07 do chị Sô P quản lý và đứng tên thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khoản tiền hụi do chị Sơn Thị L làm đầu thảo đã đóng được 31.500.000 đồng, khi nào chị L hoàn trả số tiền này thì anh và chị Sô P tự chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, trong thời gian sống chung anh và chị Sô P có vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C hai lần bằng 70.000.000 đồng. Nay, anh yêu cầu chị S có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc bằng 25.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Anh sẽ trả số tiền vốn gốc còn lại bằng 45.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Riêng khoản nợ mua phân bón và thuốc trừ sâu của anh Nguyễn Quốc C bằng 24.415.000 đồng, sau khi ly thân anh đã trả cho anh C xong. Nay, anh yêu cầu chị Sô P hoàn trả cho anh số tiền bằng 4.700.000 đồng.

Theo bị đơn chị Thạch Thị Sô P trình bày: Đối với số tiền 90.000.000 đồng, chị thống nhất chia cho anh R bằng 45.000.000 đồng. Đối với khoản tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu còn nợ anh Nguyễn Quốc C, chị đồng ý hoàn trả cho anh R bằng 4.700.000 đồng. Đối với 10 chỉ vàng 24kara và tiền hót phần hụi do chị Thạch Thị T làm đầu thảo bằng 33.000.000 đồng, do trong thời gian chị và anh R

sống ly thân thì chị bị bệnh, sử dụng số tiền và số vàng này để điều trị bệnh, nuôi một người con nên chị không đồng ý chia cho anh R 05 chỉ vàng 24kara và số tiền bằng 7.500.000 đồng theo yêu cầu của anh R. Đối với số tiền đóng hui cho chị Thạch Thị L là 31.500.000 đồng, chị đồng ý theo ý kiến của anh R là khi chị L hoàn trả tiền này thì chị và anh R tự chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các tài sản mà anh R đã liệt kê và yêu cầu chia thì chị và anh R còn có một số tài sản chung khác gồm: Một chiếc xe Honda hiệu Future XFI, biển số 84 K1-01333 do ông R quản lý, giá trị còn lại là 20.000.000 đồng, chị yêu cầu anh R chia cho chị bằng 10.000.000 đồng. Một máy dầu hiệu D8 do anh R quản lý, giá trị còn lại là 3.000.000 đồng, chị yêu cầu anh R chia cho chị bằng 1.500.000 đồng. Tiền tham gia dây hui do chị Thạch Thị Oanh N làm đầu thảo anh R đã nhận là 6.000.000 đồng, chị yêu cầu anh R chia cho chị bằng 3.000.000 đồng. Tiền tham gia dây hui do chị Thạch Thị L làm đầu thảo anh R đã nhận là 8.000.000 đồng, chị yêu cầu anh R chia cho chị bằng 4.000.000 đồng. Tiền tham gia dây hui do chị Thạch Thị Chăm R làm đầu thảo, sau khi hốt hui xong thì chị và anh R ly thân, chị tiếp tục đóng cho đầu thảo hai lần tiền hui chết bằng 6.000.000 đồng, chị yêu cầu anh R hoàn trả cho chị bằng 6.000.000 đồng. Diện tích 2.797m<sup>2</sup>, thửa số 379 và diện tích 2.834,1m<sup>2</sup>, thửa số 378, cùng tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh do anh R đang quản lý, chị yêu cầu anh R chia  $\frac{1}{2}$  giá trị của hai thửa đất, theo giá đất bằng 70.000 đồng/1m<sup>2</sup>.

Theo những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Thạch Thị S, ông Thạch R1, chị Thạch Thị Sa L, anh Thạch R2, anh Thạch R3, chị Thạch Thị L1, chị Thạch Thị L2, chị Thạch Thị L3 và anh Thạch Thia R cùng có lời khai thống nhất trong hai thửa đất số 378 và số 379, thì có 03 công đất bà Siêng cho riêng anh R từ lúc anh R chưa kết hôn với chị Sô P, còn 02 công đất liền kề do anh R và chị Sô P nhận chuyển nhượng, nên do anh R tự quyết định.

Theo ý kiến của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C: Anh Thạch R có vay vốn tại Ngân hàng số tiền bằng 70.000.000 đồng, nhưng Ngân hàng chưa khởi kiện. Khi đến thời hạn trả nợ mà anh R không trả nợ đúng theo thỏa thuận thì Ngân hàng sẽ khởi kiện ở một vụ kiện riêng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/HNGĐ-ST ngày 04-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 59 và Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Thạch R;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện phản tố của chị Thạch Thị Sô P;

1. Anh Thạch R có nghĩa vụ chia cho chị Thạch Thị Sô P tổng số tiền bằng 103.334.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn đồng); Trong đó gồm các khoản sau: Tiền  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc máy dầu hiệu D8 là 1.500.000 đồng;

tiền hui do chị Thạch Thị Oanh N làm đầu thảo là 3.000.000 đồng; tiền hui do chị Thạch Thị L làm đầu thảo là 4.000.000 đồng; tiền hui do chị Thạch Thị Chăm R làm đầu thảo là 6.000.000 đồng; tiền  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe Honda hiệu Future XF I biển số 84 K1-01333 là 10.000.000 đồng; tiền giá trị diện tích đất 1.126,2m<sup>2</sup> là 78.834.000 đồng.

2. Chị Thạch Thị Sô P có nghĩa vụ chia cho anh Thạch R các loại tài sản như sau: 05 (Năm) chỉ vàng 24kara, loại vàng 98% và tổng số tiền bằng 57.200.000 đồng (Năm mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Trong đó tiền mặt là 45.000.000 đồng; tiền anh R trả nợ mua vật tư nông nghiệp của anh C là 4.700.000 đồng; tiền hui do chị Thạch Thị T làm đầu thảo là 7.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Anh Thạch R được quyền tiếp tục sử dụng và sở hữu các loại tài sản như sau: Một chiếc xe Honda hiệu Future XF I biển số 84 K1- 01333 do anh R đứng tên ngày 04/4/2011. Một máy dầu hiệu D8. Thửa đất 379, diện tích 2.797m<sup>2</sup> và thửa đất 378, diện tích 2.834,1m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 81, tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh do anh R đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa 378 có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp thửa 359;

Hướng Nam giáp thửa 379;

Hướng Đông giáp thửa 415;

Hướng Tây giáp thửa 621;

- Thửa 379 có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp thửa 378;

Hướng Nam giáp thửa 413 và thửa 414;

Hướng Đông giáp thửa 415;

Hướng Tây giáp thửa 621;

(Có sơ đồ khảo sát thửa đất kèm theo).

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh R đối với yêu cầu chia tài sản gồm: 15 chỉ vàng 24kara và 01 chiếc xe Honda hiệu Wave RSX biển số 84K1-264.07 và 31.500.000 tiền hui do bà Thạch Thị L làm đầu thảo. Anh R được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

5. Đình chỉ yêu cầu phản tố của chị Sô P đối với yêu cầu chia tài sản 02 chỉ vàng 24kara. Chị Sô P được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

6. Về nợ chung: Do Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, chị Thạch Thị Sô P làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chia đôi thửa đất số 378, diện tích 2.834,1m<sup>2</sup> và

thửa đất số 379, diện tích 2.797m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho chị Sô P được hưởng ½ giá trị đất. Đồng thời, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không buộc chị Sô P chia cho anh R 05 chỉ vàng 24kara và số tiền hui bằng 7.500.000 đồng.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Chị Sô P kháng cáo yêu cầu chia đôi diện tích đất 2.797m<sup>2</sup>, thửa số 379 cho chị Sô P được hưởng ½ giá trị đất, không đồng ý chia cho anh R 05 chỉ vàng 24kara và số tiền hui bằng 7.500.000 đồng; anh R cũng thống nhất theo yêu cầu kháng cáo của chị Sô P nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Riêng yêu cầu kháng cáo của chị Sô P chia đôi diện tích đất 2.834,1m<sup>2</sup>, thửa số 378 cho chị Sô P được hưởng ½ giá trị đất là có căn cứ, vì diện tích đất này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Sô P.

Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Sô P kháng cáo yêu cầu chia đôi diện tích đất 2.797m<sup>2</sup>, thửa số 379 cho chị Sô P được hưởng ½ giá trị đất; không đồng ý chia cho anh R 05 chỉ vàng 24kara và số tiền hui bằng 7.500.000 đồng. Tại phiên tòa, anh R cũng thống nhất theo yêu cầu kháng cáo của chị Sô P nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Riêng phần kháng cáo của chị Sô P đòi chia đôi diện tích đất 2.834,1m<sup>2</sup>, thửa số 378 cho chị Sô P được hưởng ½ giá trị đất là không có căn cứ, vì diện tích đất này được mẹ của anh R tặng cho anh R trước thời điểm anh R kết hôn với chị S. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm không xem xét phần công sức đóng góp của chị Sô P là chưa đảm bảo quyền lợi của chị Sô P. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Sô P, sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh tụng của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Đối với kháng cáo của chị Sô P không đồng ý chia cho anh R 05 chỉ vàng 24kara và số tiền hui bằng 7.500.000 đồng, thấy rằng: Chị Sô P thừa nhận có quản lý vàng và tiền hui là tài sản chung của chị Sô P và anh R, nhưng chị Sô P cho rằng tài sản này chị Sô P sử dụng để điều trị bệnh cho bản thân chị Sô P và trị bệnh cho con. Qua phân tích, động viên của Hội đồng xét xử tại phiên tòa phúc thẩm, anh R thống nhất không yêu cầu chị Sô P chia cho anh R 05 chỉ vàng 24kara và số tiền bằng 7.500.000 đồng. Do đó, công nhận sự thỏa thuận giữa anh R và chị Sô P, sửa bản án sơ thẩm về việc chia phần tài sản này.

[2] Đối với kháng cáo của chị Sô P không đồng ý nhận giá trị diện tích đất 1.126,2m<sup>2</sup> tương đương với số tiền bằng 78.834.000 đồng như Tòa án sơ thẩm đã

chia, chị Sô P yêu cầu chia cho chị Sô P được hưởng giá trị diện tích đất là 1.398,5m<sup>2</sup>. Qua phân tích, động viên của Hội đồng xét xử tại phiên tòa phúc thẩm, anh R thống nhất chia giá trị diện tích đất 1.398,5m<sup>2</sup> cho chị Sô P. Do đó, công nhận sự thỏa thuận giữa anh R và chị Sô P, sửa bản án sơ thẩm về việc chia phần tài sản này.

[3] Đối với kháng cáo của chị Sô P yêu cầu chia đôi diện tích đất 2.834,1m<sup>2</sup>, thừa số 378 cho chị Sô P được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị đất, thấy rằng: Mặc dù quyền sử dụng đất được cấp vào năm 2011, sau khi anh R kết hôn với chị Sô P nhưng anh R cho rằng đất này do mẹ của anh R (Bà S) nhận chuyển nhượng từ ông N và tặng cho anh R trước khi anh R kết hôn với chị Sô P; ông Nh là chủ đất cũ cũng xác định ông Nh chuyển nhượng đất cho cha mẹ của anh R, sau này ông Nh với anh R mới làm thủ tục sang tên cho anh R đứng tên quyền sử dụng đất (BL 122). Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm, chị Sô P cũng thừa nhận diện tích đất này do mẹ của anh R tặng cho anh R trước khi anh R kết hôn với chị Sô P. Chị Sô P không cung cấp được văn bản thỏa thuận giữa anh R và chị Sô P về việc nhập diện tích đất này vào tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Sô P về việc đòi chia diện tích đất này là có căn cứ.

[4] Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm áp dụng chế định tài sản chung của hộ gia đình theo quy định của Bộ luật Dân sự, không xem xét chia cho chị Sô P một phần hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của anh R (Diện tích đất 2.834,1m<sup>2</sup>, thừa số 378), là áp dụng sai lầm pháp luật, làm ảnh hưởng đến một phần quyền lợi của chị Sô P. Bởi lẽ, vụ án do Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết là chia tài sản sau khi ly hôn; diện tích đất do anh R đứng tên, không phải do cha, mẹ của anh R đứng tên quyền sử dụng đất nên phải áp dụng chế định tài sản riêng của vợ, chồng; chế định tài sản chung của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết. Chị Sô P kết hôn với anh R vào năm 2007, cùng với anh R trực tiếp canh tác diện tích đất cho đến khi có quyết định giải quyết ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật vào năm 2018. Trong thời gian hơn 10 năm, chị Sô P đóng góp công sức vào việc duy trì, cải tạo diện tích đất, tạo khoản lợi tức thu được từ việc khai thác diện tích đất. Theo khoản 1 Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng là tài sản chung. Do đó, để đảm bảo chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm cần hủy bản án sơ thẩm phần tài sản là diện tích đất 2.834,1m<sup>2</sup>, thừa số 378.

[5] Mặt khác, đối với khoản nợ thiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C, tuy Ngân hàng không làm đơn khởi kiện nhưng cả anh R và chị Sô P đều có yêu cầu phân chia việc trả nợ, Tòa án sơ thẩm quyết định không xem xét, giải quyết với lý do Ngân hàng không khởi kiện là sai. Trong trường hợp này cần phải xác định rằng có một bên tham gia giao dịch vay tiền yêu cầu giải quyết về giao dịch đó và Tòa án phải giải quyết, không đòi hỏi Ngân hàng có yêu cầu thì mới giải quyết. Ngoài ra, theo đơn xin vắng mặt ngày 30-7-2020 của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng gửi Tòa án phúc thẩm có nội dung thể hiện khoản nợ này anh R trả xong cho Ngân hàng trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm hơn 02 tháng (Trả vào ngày 17-3-2020) nhưng Tòa án sơ thẩm không tiến hành thẩm tra tại phiên tòa để làm rõ. Cho nên, khi giải quyết lại vụ án

về việc chia tài sản là diện tích đất 2.834,1m<sup>2</sup>, thửa số 378 thì phải xem xét, giải quyết khoản nợ này trong cùng vụ án.

[6] Xét thấy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, là có căn cứ.

[7] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, là có căn cứ.

[8] Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho chị Thạch Thị Sô P bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0009177 ngày 29-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/HNGĐ-ST ngày 04-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện C.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thạch R.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Thạch Thị Sô P.

1. Buộc anh Thạch R có nghĩa vụ chia cho chị Thạch Thị Sô P ½ giá trị máy dầu hiệu D8 bằng 1.500.000 đồng; tiền hui do chị Thạch Thị Oanh N làm đầu thảo bằng 3.000.000 đồng; tiền hui do chị Thạch Thị L làm đầu thảo bằng 4.000.000 đồng; tiền hui do chị Thạch Thị Chăm R làm đầu thảo bằng 6.000.000 đồng; ½ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future XFI, biển số 84 K1-01333 bằng 10.000.000 đồng; ½ giá trị diện tích đất 2.797m<sup>2</sup>, thửa số 379 bằng 97.895.000 đồng. Tổng cộng số tiền bằng 122.395.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

2. Buộc chị Thạch Thị Sô P có nghĩa vụ chia cho anh Thạch R số tiền bằng 45.000.000 đồng và hoàn trả cho anh Thạch R khoản tiền mà anh Thạch R đã thanh toán cho anh C bằng 4.700.000 đồng. Tổng cộng số tiền bằng 49.700.000 đồng (Bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

3. Anh Thạch R được quyền sở hữu, sử dụng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future XFI, biển số 84K1-01333 do anh R đứng tên ngày 04/4/2011; một máy dầu hiệu D8; diện tích đất 2.797m<sup>2</sup>, thửa số 379, tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14-02-2011.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Thạch R về việc đòi chị Thạch Thị Sô P chia 15 chỉ vàng 24kara và một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển số 84K1-264.07.

Anh Thạch R có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại phần yêu cầu này theo quy định pháp luật.

5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của chị Thạch Thị Sô P về việc đòi anh Thạch R chia 02 chỉ vàng 24kara.

Chị Thạch Thị Sô P có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại phần yêu cầu này theo quy định pháp luật.

6. Buộc anh Thạch R và chị Thạch Thị Sô P, mỗi người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bằng 1.845.000 đồng (Một triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Do chị Thạch Thị Sô P đã nộp tiền tạm ứng trước nên anh Thạch R có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Thạch Thị Sô P bằng 1.845.000 đồng (Một triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

7. Buộc anh Thạch R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 8.604.750 đồng (Tám triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng), nhưng được vào sổ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Thạch R đã nộp bằng 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0019650 ngày 11-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh. Án phí dân sự sơ thẩm anh Thạch R phải nộp tiếp bằng 2.354.750 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Buộc chị Thạch Thị Sô P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 8.604.750 đồng (Tám triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho chị Thạch Thị Sô P bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0009177 ngày 29-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

8. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với phần tài sản là diện tích đất 2.834,1m<sup>2</sup>, thửa số 378, tờ bản đồ số 81, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh và khoản nợ anh Thạch R đã trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Đê**